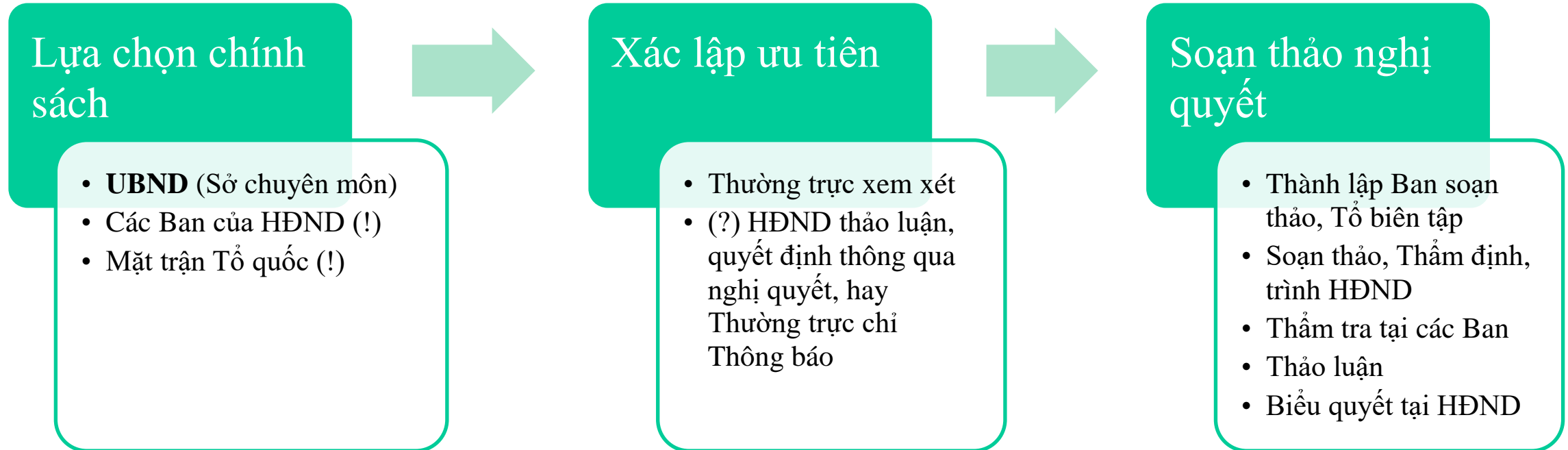


Lập quy ở địa phương

L6: 11/11/2021



Công đoạn chính sách của UBND

1: Nghiên cứu, lựa chọn chính sách

- ❖ Điều 5 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, 154/2020/NĐ-CP
 - Xác định các vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân của từng vấn đề.
 - Xác định Mục tiêu tổng thể, cụ thể cần đạt được khi giải quyết các vấn đề.
 - Xác định định hướng, giải pháp để giải quyết từng vấn đề.
 - Xác định đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách.
 - Xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề.

2: Lập báo cáo đánh giá tác động

- Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP:
 - Tác động về kinh tế của chính sách;
 - Tác động về xã hội của chính sách;
 - Tác động về giới của chính sách (nếu có);
 - Tác động của thủ tục hành chính (nếu có);
 - Tác động đối với hệ thống pháp luật.
- Lấy ý kiến góp ý, phản biện dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách; tiếp thu, chỉnh lý dự thảo báo cáo (việc tham vấn các đối tượng liên quan được thực hiện thường xuyên, ngay từ khâu xác định đối tượng chịu tác động, loại tác động cần đánh giá ...).

3: Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND

- (1) Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; mục tiêu, nội dung chính sách trong dự thảo nghị quyết và các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.
- (2) Báo cáo đánh giá tác chính sách, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách.
- (3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.
- (4) Tài liệu khác (nếu có).

4: Lấy ý kiến nhân dân (1)

- ❖ Đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Khi lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý kiến vào dự thảo nghị quyết.
- ❖ Lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến; gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản QPPL đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản QPPL liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến;
- ❖ Việc lấy ý kiến có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết tổ chức đối thoại trực tiếp về chính sách với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết;
- ❖ Nghiên cứu ý kiến góp ý để hoàn thiện đề nghị xây dựng nghị quyết. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến phải được đăng tải cùng với các tài liệu khác trong hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

4: Lấy ý kiến nhân dân (2)

- ❖ Trong quá trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết, cơ quan, tổ chức lập đề nghị có thể huy động sự tham gia của các viện nghiên cứu, trường đại học, hội, hiệp hội, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học vào các hoạt động:
 - Tổng kết, đánh giá tình hình thi hành pháp luật;
 - Rà soát, đánh giá các văn bản QPPL hiện hành; khảo sát, điều tra xã hội học; đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến các chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL; tập hợp, nghiên cứu, so sánh tài liệu, Điều ước quốc tế có liên quan đến các chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL;
 - Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

5: Thẩm định hồ sơ xây dựng Nghị quyết

1. Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết;
2. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;
3. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.
4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.
5. Đề cương dự thảo nghị quyết.
6. Tài liệu khác (nếu có).

5: Các cơ quan có trách nhiệm tham gia thẩm định

- ❖ Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình, thực hiện những nhiệm vụ quy định tại Điều 13 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP => Phòng VBPL => Quy chế thẩm định
- ❖ Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cử đại diện tham gia thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân do Sở Tư pháp thẩm định.
- ❖ Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý đề nghị xây dựng nghị quyết và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo đề nghị xây dựng nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự thảo nghị quyết.
- ❖ Thời hạn thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định, nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật năm 2015. Báo cáo thẩm định được gửi đến cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định.

6: Thông qua hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết

1. Hồ sơ gửi thẩm định sau khi chỉnh lý, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định;
2. Báo cáo thẩm định;
3. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
4. Các tài liệu khác (nếu có).

6: Cơ quan thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết

- Tùy cơ quan nào trình Thường trực HĐND, cơ quan đó thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh:
 - UBND có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để thông qua các chính sách trong từng đề nghị xây dựng nghị quyết vào phiên họp thường kỳ của UBND.
 - 04 ban của HĐND cấp tỉnh (Kinh tế-Ngân sách, Văn- Xã, Pháp chế, Đô thị)
 - Ủy ban MTTQ cấp tỉnh có trách nhiệm thông qua các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

Công đoạn của cơ quan dân cử

Xem xét đưa vào Chương trình xây dựng Nghị quyết

1. Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết.
2. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.
3. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.
4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.
5. Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Sở Tư pháp;
6. Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền.
7. Đề cương dự thảo nghị quyết.
8. Tài liệu khác (nếu có).

Thường trực HĐND xem xét chấp thuận

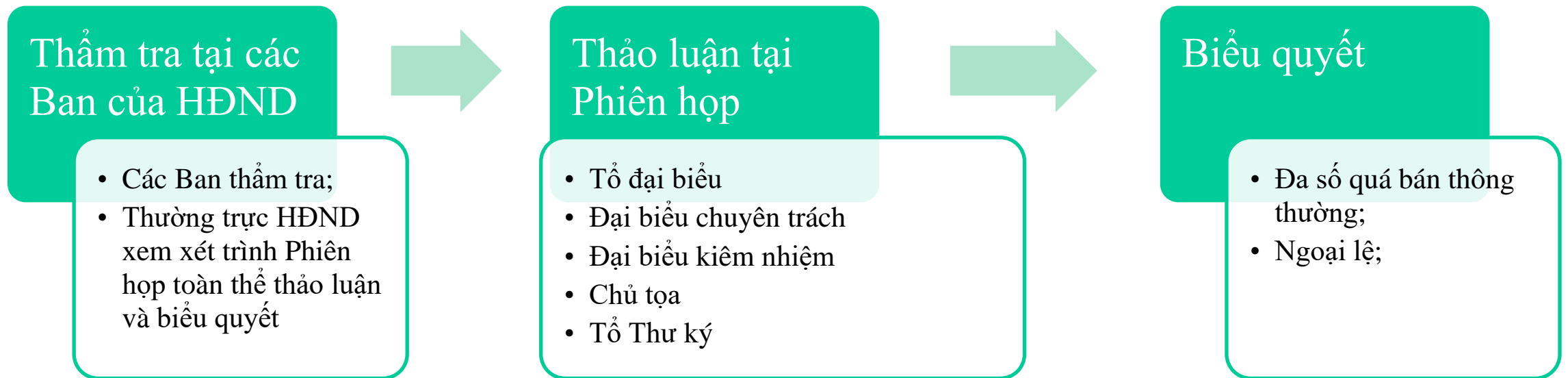
- Trường hợp chấp thuận, Thường trực HĐND cấp tỉnh có văn bản phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, thời hạn trình HĐND cấp tỉnh và giao UBND cấp tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm cho việc soạn thảo.
- Quy trình xem xét chấp thuận: Chưa rõ ràng, có thể thảo luận và bỏ phiếu theo đa số, lưu ý Thường trực HĐND TPHCM có 8 người (không rõ có quy định trường hợp số phiếu bằng nhau thì Chủ tịch HĐND quyết định hay không?)

**Trả về cho Sở ban ngành:
Công đoạn soạn thảo của Sở/UBND bắt đầu**

Soạn thảo & trình Dự thảo Nghị quyết HĐND

1. Soạn thảo nghị quyết (Ban soạn thảo, Ban biên tập, Nguyên tắc chỉ đạo, Các dự thảo)
2. Đăng tải toàn văn dự thảo nghị quyết lên cổng thông tin điện tử thời hạn 30 ngày; lấy ý kiến góp ý trực tiếp hoặc tổ chức hội thảo, tọa đàm; tiếp thu ý kiến góp ý;
3. Thẩm định của Sở Tư pháp;
4. UBND tỉnh xem xét, quyết định trình (thông qua Phiên họp thường kỳ của UBND);

**Công đoạn thẩm tra tại các Ban của HĐND,
Thảo luận của các đại biểu,
Thông qua tại Phiên họp toàn thể của HĐND**



08 bước soạn thảo & thông qua Nghị quyết HĐND

5. Thẩm tra của các Ban của HĐND tỉnh, trình Thường trực
 - Hồ sơ gửi đến các Ban chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp,
 - Các Ban tổ chức Phiên họp thẩm tra, có thể mời Phản biện từ đối tượng liên quan;
 - Báo cáo thẩm tra gửi đến Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp;
 - Thường trực họp và thông qua Dự thảo Nghị quyết, trình Phiên họp toàn thể;
6. Thảo luận tại Phiên họp toàn thể của HĐND, Biểu quyết thông qua;
7. Ký chứng thực;
8. Phát hành, đăng công báo.

Nhận xét

- Không rõ ưu tiên chính sách được các địa phương xác lập theo trình tự & thể thức nào.
- Không phân tách thảo luận chính sách và thảo luận lập quy, trong quá trình bàn về Nghị quyết các đại biểu luôn sửa chính sách;
- Không rõ quá trình lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến, chấp nhận hoặc không chấp nhận ý kiến diễn ra như thế nào;
- Không rõ các đại biểu thông qua hoặc không thông qua các Nghị quyết với các lập luận như thế nào?
 - Có 35 Tổ đại biểu đại diện.
 - Có Các đại biểu chuyên trách (Hội nghị đại biểu chuyên trách cũng có thể cho ý kiến);
 - Thời gian phát biểu, cơ hội phát biểu nhiều lần, tranh luận đa chiều, bảo vệ quyền của thiểu số;
 - Quyền của Chủ tọa Phiên họp; Quyền của Tổ Thư ký